

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP SĐH NĂM 2022

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT SAU ĐẠI HỌC NĂM 2022
Bậc đào tạo: Chuyên khoa cấp I hệ tập trung khóa 25 (2020-2022)

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
1	1	04200764	Nguyễn Thị Vân Anh	07/11/1985	Chẩn đoán hình ảnh	6.67	
2	2	04201164	Nguyễn Thị Bách	01/02/1990	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
3	3	04200001	Triệu Ngọc Bích	10/04/1992	Chẩn đoán hình ảnh	6.25	
4	4	04201062	Lê Văn Biên	02/07/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.00	
5	5	04200195	Hà Văn Cấp	27/08/1991	Chẩn đoán hình ảnh	6.75	
6	6	04201194	Nguyễn Thành Chí	02/11/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.33	
7	7	04201224	Nguyễn Thị Kim Dung	22/01/1989	Chẩn đoán hình ảnh	7.50	
8	8	04200256	Phạm Thị Dung	16/08/1987	Chẩn đoán hình ảnh	6.08	
9	9	04200833	Nguyễn Tư Duy	02/01/1990	Chẩn đoán hình ảnh	6.83	
10	10	04200723	Nguyễn Tuấn Dương	09/09/1990	Chẩn đoán hình ảnh	7.50	
11	11	04200636	Cao Sơn Dương	20/04/1983	Chẩn đoán hình ảnh	6.67	
12	12	04201270	Bùi Hải Dương	10/02/1993	Chẩn đoán hình ảnh	6.17	
13	13	04200403	Bùi Văn Đăng	10/06/1991	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	
14	14	04200721	Trần Sỹ Đạt	13/04/1989	Chẩn đoán hình ảnh	7.42	
15	15	04200079	Mai Thế Đăng	10/07/1983	Chẩn đoán hình ảnh	5.75	
16	16	04200154	Nguyễn Minh Đức	24/04/1987	Chẩn đoán hình ảnh	6.67	
17	17	04200518	Phạm Thị Thu Hà	08/09/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.42	
18	18	04200224	Nguyễn Thị Hòa	06/02/1987	Chẩn đoán hình ảnh	7.92	
19	19	04200265	Nguyễn Mạnh Hùng	27/08/1991	Chẩn đoán hình ảnh	8.08	
20	20	04201232	Nguyễn Văn Hùng	10/06/1990	Chẩn đoán hình ảnh	6.83	
21	21	04200139	Nguyễn Văn Hùng	19/12/1987	Chẩn đoán hình ảnh	6.58	
22	22	04200233	Trần Đại Huynh	08/06/1992	Chẩn đoán hình ảnh	7.00	
23	23	04200997	Trương Quang Hưng	13/09/1990	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
24	24	04200533	Nguyễn Thị Thu Hương	07/11/1984	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
25	25	04200770	Lê Thị Lan Hương	13/02/1981	Chẩn đoán hình ảnh	5.58	
26	26	04200090	Hoàng Thị Loan	08/03/1992	Chẩn đoán hình ảnh	6.83	
27	27	04200572	Bùi Thanh Loan	11/06/1989	Chẩn đoán hình ảnh	7.42	
28	28	04200864	Nguyễn Tiến Mạnh	29/04/1991	Chẩn đoán hình ảnh	7.42	
29	29	04200551	Mai Chí Ninh	13/02/1985	Chẩn đoán hình ảnh	6.25	
30	30	04200702	Tô Thị Nhân	10/10/1991	Chẩn đoán hình ảnh	6.50	
31	31	04200035	Đặng Văn Nhuận	15/09/1989	Chẩn đoán hình ảnh	6.00	
32	32	04200400	Lê Thị Như Quỳnh	10/03/1986	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	
33	33	04200759	Bê Thị Minh Quỳnh	14/07/1993	Chẩn đoán hình ảnh	6.00	
34	34	04200364	Trần Thị Tú Tâm	29/03/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
35	35	04201210	Bùi Thị Tâm	14/02/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.25	
36	36	04200696	Hoàng Cao Tân	09/05/1991	Chẩn đoán hình ảnh	7.08	
37	37	04200119	Nguyễn Thanh Tân	26/08/1985	Chẩn đoán hình ảnh	7.75	
38	38	04200791	Nguyễn Bá Tình	02/10/1989	Chẩn đoán hình ảnh	6.50	
39	39	04200045	Vũ Trung Toàn	06/08/1989	Chẩn đoán hình ảnh	7.08	
40	40	04201144	Đoàn Thanh Tú	24/05/1983	Chẩn đoán hình ảnh	6.75	
41	41	04200114	Vũ Thị Tuyết	17/01/1992	Chẩn đoán hình ảnh	7.92	
42	42	04200369	Nguyễn Chí Thanh	18/03/1986	Chẩn đoán hình ảnh	7.25	
43	43	04200347	Lương Thị Thiện	25/08/1980	Chẩn đoán hình ảnh	6.83	
44	44	04200381	Võ Đức Thịnh	19/03/1988	Chẩn đoán hình ảnh	8.00	
45	45	04201092	Nguyễn Thị Thùy	01/03/1988	Chẩn đoán hình ảnh	6.08	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
46	46	04200608	Nguyễn Thị Thu Trang	05/06/1989	Chẩn đoán hình ảnh	6.25	
47	47	04200750	Vũ Tuyết Trinh	09/06/1990	Chẩn đoán hình ảnh	6.25	
48	48	04200094	Nguyễn Quang Trọng	02/09/1988	Chẩn đoán hình ảnh	6.33	
49	49	050111180017	Lê Hoàng Khỏe	10/12/1992	Chẩn đoán hình ảnh	7.17	BSNT
50	1	04200368	Nguyễn Hải An	11/11/1991	Da liễu	7.92	
51	2	04200374	Tạ Thị Chà	16/09/1991	Da liễu	8.08	
52	3	04200563	Tạ Văn Doóng	23/05/1978	Da liễu	6.08	
53	4	04200752	Phạm Thùy Dương	09/02/1992	Da liễu	7.42	
54	5	04200008	Lê Công Đạt	04/06/1992	Da liễu	7.25	
55	6	047235190004	Trần Vũ Giang	31/12/1989	Da liễu	6.58	
56	7	04200440	Nguyễn Thị Thu Hà	10/07/1993	Da liễu	8.17	
57	8	04201171	Lê Thị Hồng Hạnh	18/03/1994	Da liễu	8.42	
58	9	04200048	Nguyễn Văn Hào	19/08/1988	Da liễu	8.67	
59	10	04200547	Hoàng Thu Hằng	08/08/1991	Da liễu	8.67	
60	11	04200385	Nguyễn Ngọc Hân	03/09/1982	Da liễu	8.17	
61	12	04200137	Nguyễn Thị Hậu	20/04/1993	Da liễu	8.42	
62	13	04200086	Đỗ Thị Hoài	06/02/1986	Da liễu	8.83	
63	14	04200215	Nguyễn Thị Hoài	20/04/1989	Da liễu	6.00	
64	15	04200837	Phạm Thị Huệ	08/10/1992	Da liễu	6.42	
65	16	04200887	Mai Thị Huệ	09/03/1987	Da liễu	8.42	
66	17	04200506	Nguyễn Thị Huyền	15/01/1993	Da liễu	6.67	
67	18	04200187	Tổng Thu Hương	23/12/1990	Da liễu	7.83	
68	19	04201125	Ngô Thị Hương	27/11/1993	Da liễu	7.92	
69	20	04200219	Lê Thị Hường	10/09/1987	Da liễu	8.33	
70	21	04200069	Đỗ Thị Lệ	19/12/1991	Da liễu	7.92	
71	22	04200871	Đàm Mai Linh	19/08/1993	Da liễu	7.50	
72	23	04201198	Lưu Thùy Linh	18/01/1983	Da liễu	6.17	
73	24	04200829	Bùi Thị Nga	28/03/1991	Da liễu	7.17	
74	25	04200019	Nguyễn Thanh Nga	19/10/1978	Da liễu	6.67	
75	26	04200562	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	13/12/1991	Da liễu	8.17	
76	27	04201237	Lương Thị Sao Thu Phương	19/07/1991	Da liễu	7.92	
77	28	04200352	Trần Quốc Phương	15/10/1991	Da liễu	6.58	
78	29	04201131	Nguyễn Thanh Tùng	04/10/1989	Da liễu	7.92	
79	30	04201181	Ngũ Thị Thắm	13/08/1993	Da liễu	8.25	
80	31	04200206	Bùi Thị Thanh Thủy	25/06/1992	Da liễu	8.17	
81	32	04200463	Trần Thị Huyền Trang	09/11/1990	Da liễu	7.75	
82	33	04200342	Nguyễn Thu Trang	02/05/1989	Da liễu	6.50	
83	1	04200358	Nguyễn Thị Hà	06/11/1989	Gây mê hồi sức	6.83	
84	2	04200420	Phạm Văn Hiệu	15/06/1990	Gây mê hồi sức	7.42	
85	3	04200936	Đỗ Thanh Hoa	19/05/1984	Gây mê hồi sức	7.67	
86	4	04200544	Lê Sỹ Hùng	05/03/1991	Gây mê hồi sức	7.50	
87	5	04200254	Nguyễn Thị Hương	09/09/1989	Gây mê hồi sức	7.92	
88	6	04200097	Trịnh Văn Kiên	25/02/1992	Gây mê hồi sức	7.25	
89	7	04200725	Lê Văn Khải	02/05/1993	Gây mê hồi sức	6.58	
90	8	04200866	Trần Thị Lan	30/12/1991	Gây mê hồi sức	7.33	
91	9	04200960	Vì Thị Khánh Linh	04/08/1993	Gây mê hồi sức	6.00	
92	10	04200387	Nguyễn Thị Diễm Luyện	11/07/1983	Gây mê hồi sức	7.08	
93	11	04200500	Nông Thị Tuyết Mai	28/07/1989	Gây mê hồi sức	7.67	
94	12	04200953	Lê Hữu Mạnh	14/01/1990	Gây mê hồi sức	7.83	
95	13	04200502	Nguyễn Hữu Mạnh	10/10/1993	Gây mê hồi sức	7.00	
96	14	04200183	Trần Hoài Nam	08/09/1990	Gây mê hồi sức	7.00	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
97	15	04200151	Cao Chính Nghĩa	12/04/1991	Gây mê hồi sức	7.00	
98	16	04200450	Tào Công Phú	06/03/1991	Gây mê hồi sức	7.42	
99	17	04200166	Vũ Minh Phương	18/06/1992	Gây mê hồi sức	7.17	
100	18	04200561	Nguyễn Văn Sĩ	30/08/1989	Gây mê hồi sức	7.25	
101	19	04200028	Trịnh Văn Sơn	12/05/1991	Gây mê hồi sức	6.92	
102	20	04201076	Nguyễn Đức Tân	13/08/1991	Gây mê hồi sức	7.17	
103	21	04200488	Vi Văn Tiến	02/07/1986	Gây mê hồi sức	6.83	
104	22	04200793	Nguyễn Đại Tú	03/05/1988	Gây mê hồi sức	6.92	
105	23	04201209	Nguyễn Văn Tuấn	04/04/1992	Gây mê hồi sức	7.33	
106	24	04200660	Hoàng Trinh Thiêm	01/04/1991	Gây mê hồi sức	6.92	
107	25	04200043	Đào Thị Thuần	10/08/1988	Gây mê hồi sức	6.75	
108	26	04200401	Trần Thị Thu Trang	14/11/1987	Gây mê hồi sức	8.17	
109	27	04200201	Nguyễn Thị Ngọc Trang	04/05/1991	Gây mê hồi sức	7.25	
110	28	04201017	Tăng Lê Văn	25/10/1992	Gây mê hồi sức	6.75	
111	29	04200620	Phạm Tuấn Vinh	23/07/1991	Gây mê hồi sức	7.33	
112	30	04200601	Nguyễn Văn Vinh	28/06/1990	Gây mê hồi sức	6.58	
113	1	04200038	Trần Ngọc Anh	18/06/1992	Giải phẫu bệnh	8.50	
114	2	04200735	Lý Văn Dũng	27/01/1985	Giải phẫu bệnh	6.08	
115	3	04200539	Nguyễn Thị Huyền	19/01/1990	Giải phẫu bệnh	7.50	
116	4	04200480	Vũ Văn Lại	04/09/1986	Giải phẫu bệnh	7.67	
117	5	04200430	Bạc Thị Loan	11/12/1986	Giải phẫu bệnh	5.92	
118	6	04201245	Ninh Trung Nghĩa	17/12/1992	Giải phẫu bệnh	5.75	
119	1	04200227	Phạm Hương Giang	20/11/1991	Hóa sinh Y học	8.00	
120	2	04200722	Hứa Thị Thanh Hiền	11/10/1992	Hóa sinh Y học	7.75	
121	3	04200252	Vũ Thị Huệ	30/06/1985	Hóa sinh Y học	8.17	
122	4	04200531	Nguyễn Thị Ngọc	24/01/1993	Hóa sinh Y học	8.67	
123	5	04200895	Vũ Quỳnh Nhung	18/12/1990	Hóa sinh Y học	7.75	
124	6	04200373	Hà Thị Hương Trang	15/08/1990	Hóa sinh Y học	7.75	
125	7	04200931	Chu Hồng Vân	11/06/1992	Hóa sinh Y học	8.83	
126	1	04200116	Trần Công Cẩn	24/09/1991	Hồi sức cấp cứu	8.25	
127	2	04200985	Nguyễn Văn Cừ	10/09/1990	Hồi sức cấp cứu	7.50	
128	3	04201202	Đặng Đình Cường	10/10/1989	Hồi sức cấp cứu	7.17	
129	4	04200467	Hà Đức Chính	21/09/1991	Hồi sức cấp cứu	5.83	
130	5	04200193	Đỗ Hoàng Minh Dũng	26/09/1992	Hồi sức cấp cứu	6.00	
131	6	04200554	Nông Văn Dũng	24/06/1992	Hồi sức cấp cứu	7.17	
132	7	04200425	Ninh Mạnh Duy	25/11/1989	Hồi sức cấp cứu	5.75	
133	8	04200261	Sầm Thị Duyên	09/07/1992	Hồi sức cấp cứu	6.92	
134	9	04200745	Tô Văn Điều	11/02/1986	Hồi sức cấp cứu	5.50	
135	10	04200348	Nguyễn Thành Đô	07/08/1991	Hồi sức cấp cứu	6.75	
136	11	04200918	Lê Phước Đức	15/03/1989	Hồi sức cấp cứu	8.33	
137	12	04200661	Đào Việt Đức	25/07/1990	Hồi sức cấp cứu	7.92	
138	13	04200159	Phạm Hữu Giang	22/10/1988	Hồi sức cấp cứu	7.50	
139	14	04200659	Lê Thị Thu Hà	23/08/1977	Hồi sức cấp cứu	5.83	
140	15	04201123	Hoàng Thanh Hà	19/10/1990	Hồi sức cấp cứu	7.25	
141	16	04200473	Nguyễn Trung Hải	02/01/1980	Hồi sức cấp cứu	5.17	
142	17	04200781	Đặng Thị Hạnh	03/12/1989	Hồi sức cấp cứu	4.83	
143	18	04200849	Phùng Thị Thu Hằng	22/07/1990	Hồi sức cấp cứu	7.42	
144	19	04200941	Trương Thị Hiền	22/03/1989	Hồi sức cấp cứu	6.83	
145	20	04201183	Nguyễn Thị Hiền	11/01/1983	Hồi sức cấp cứu	6.33	
146	21	04200021	Đỗ Đức Hiệp	30/03/1991	Hồi sức cấp cứu	6.83	
147	22	04200084	Đào Xuân Hiếu	22/10/1989	Hồi sức cấp cứu	6.33	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
148	23	04200470	Trần Thị Thúy Hòa	12/01/1993	Hồi sức cấp cứu	6.75	
149	24	04200813	Nguyễn Văn Hoàn	05/03/1991	Hồi sức cấp cứu	7.50	
150	25	04200889	Nguyễn Thị Huệ	01/05/1989	Hồi sức cấp cứu	6.75	
151	26	04201196	Quảng Văn Hùng	07/03/1992	Hồi sức cấp cứu	7.08	
152	27	04200846	Phạm Văn Hùng	27/07/1990	Hồi sức cấp cứu	0.00	Không thi
153	28	04201256	Phạm Lê Hưng	26/07/1989	Hồi sức cấp cứu	5.00	
154	29	04200220	Nguyễn Kỳ	11/02/1991	Hồi sức cấp cứu	7.75	
155	30	04200049	Dương Đình Khuê	15/05/1990	Hồi sức cấp cứu	8.17	
156	31	04200398	Lê Quang Khương	12/08/1990	Hồi sức cấp cứu	7.67	
157	32	04200805	Bùi Thanh Lâm	29/06/1990	Hồi sức cấp cứu	6.75	
158	33	04200234	Trần Văn Linh	21/03/1989	Hồi sức cấp cứu	6.58	
159	34	04200179	Nguyễn Thành Luân	20/09/1990	Hồi sức cấp cứu	8.33	
160	35	04200949	Nguyễn Thị Lục	14/03/1983	Hồi sức cấp cứu	6.67	
161	36	04201246	Lương Văn Lực	12/02/1990	Hồi sức cấp cứu	5.67	
162	37	04200640	Trần Văn Lưu	10/09/1990	Hồi sức cấp cứu	7.92	
163	38	04200095	Mạc Thế Lưu	11/09/1990	Hồi sức cấp cứu	5.08	
164	39	04201109	Tòng Thị Mai	30/01/1990	Hồi sức cấp cứu	8.00	
165	40	04200422	Đỗ Văn Mạnh	30/03/1991	Hồi sức cấp cứu	6.42	
166	41	04200850	Lê Văn Mạnh	06/10/1988	Hồi sức cấp cứu	6.17	
167	42	04200521	Lý Trung Minh	31/10/1987	Hồi sức cấp cứu	6.00	
168	43	04200789	Lê Văn Minh	14/04/1993	Hồi sức cấp cứu	5.83	
169	44	04201001	Nguyễn Hoàng Nam	01/01/1990	Hồi sức cấp cứu	6.25	
170	45	04200693	Lành Thị Quỳnh Nga	02/09/1991	Hồi sức cấp cứu	6.08	
171	46	04200914	Nguyễn Thị Ngà	16/07/1991	Hồi sức cấp cứu	6.83	
172	47	04200431	Nguyễn Đức Nguyên	29/09/1991	Hồi sức cấp cứu	7.42	
173	48	04200602	Bùi Duy Nhật	31/12/1992	Hồi sức cấp cứu	6.83	
174	49	04200956	Nguyễn Hồng Nhung	11/10/1993	Hồi sức cấp cứu	6.83	
175	50	04200970	Nguyễn Dương Quyền	08/11/1993	Hồi sức cấp cứu	6.33	
176	51	04200339	Lò Văn Quyết	06/10/1987	Hồi sức cấp cứu	6.92	
177	52	04200194	Trần Hữu Sinh	01/11/1991	Hồi sức cấp cứu	7.42	
178	53	04200527	Hoàng Minh Toại	15/07/1991	Hồi sức cấp cứu	6.33	
179	54	04200391	Lê Ngọc Tuyên	15/06/1987	Hồi sức cấp cứu	5.83	
180	55	04200445	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	04/10/1985	Hồi sức cấp cứu	5.75	
181	56	04200684	Chu Đức Thành	10/03/1983	Hồi sức cấp cứu	7.58	
182	57	04200125	Hà Ngọc Thao	20/08/1992	Hồi sức cấp cứu	7.25	
183	58	04200245	Vũ Đình Thiện	09/08/1991	Hồi sức cấp cứu	6.67	
184	59	04200338	Lê Thị Phương Thuý	02/09/1989	Hồi sức cấp cứu	7.25	
185	60	04201000	Nguyễn Đức Thương	16/06/1993	Hồi sức cấp cứu	7.25	
186	61	04200751	Vũ Đình Trung	25/12/1992	Hồi sức cấp cứu	7.33	
187	62	04200479	Lò Văn Vĩnh	24/08/1981	Hồi sức cấp cứu	4.33	
188	63	04200870	Hoàng Hải Yến	13/12/1990	Hồi sức cấp cứu	7.08	
189	64	047231190621	Phạm Thị Trang	29/03/1990	Hồi sức cấp cứu	6.75	CKI 24 BL
190	1	04200682	Nguyễn Thị Dư	09/05/1988	Huyết học - Truyền máu	7.92	
191	2	04201142	Nguyễn Thị Hạnh	13/09/1991	Huyết học - Truyền máu	7.58	
192	3	04201220	Nguyễn Thị Kiều	07/03/1991	Huyết học - Truyền máu	7.50	
193	4	04200318	Vũ Thị Ngoan	06/12/1989	Huyết học - Truyền máu	7.92	
194	5	04200118	Phạm Thị Nhật	01/08/1991	Huyết học - Truyền máu	7.83	
195	6	04200208	Vũ Thị Nhung	27/01/1988	Huyết học - Truyền máu	7.25	
196	7	04200478	Trịnh Thị Nhung	16/12/1980	Huyết học - Truyền máu	7.42	
197	8	04200774	Lê Ngọc Tuy	25/07/1989	Huyết học - Truyền máu	6.50	
198	9	04200800	Nguyễn Như Thịnh	23/06/1994	Huyết học - Truyền máu	8.17	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
199	10	04200182	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/09/1989	Huyết học - Truyền máu	8.00	
200	1	04200581	Nguyễn Tiến Dũng	24/07/1990	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	7.75	
201	2	04200444	Chu Thị Hằng	01/10/1986	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	6.08	
202	3	04200980	Nguyễn Thị Mai Hương	28/12/1989	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	7.08	
203	4	04200459	Nguyễn Thị Hương	29/03/1997	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	7.25	
204	5	04200147	Vũ Đức Mạnh	20/04/1994	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	5.92	
205	6	04200606	Nguyễn Văn Mười	05/05/1990	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	6.08	
206	7	04200110	Nguyễn Thế Tùng	13/09/1996	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	6.25	
207	8	04201163	Mai Thị Thuý	30/09/1992	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	7.92	
208	9	04200618	Nguyễn Ích Việt	27/06/1989	Kỹ thuật y học CN Xét nghiệm	6.42	
209	1	04200876	Lê Lương Cấp	08/10/1980	Lao	5.92	
210	2	04200613	Lê Thiện Hữu	18/08/1982	Lao	6.75	
211	3	04200926	Võ Hà Nam	28/03/1978	Lao	6.17	
212	4	04200417	Vũ Minh Phương	29/01/1990	Lao	6.42	
213	5	04200940	Nguyễn Quang Quyết	23/11/1991	Lao	5.83	
214	6	04200579	Trần Văn Vinh	29/11/1991	Lao	6.42	
215	1	04200994	Trần Đức Anh	04/02/1992	Nội khoa	6.08	
216	2	04200736	Hà Thị Ngọc Bích	12/11/1988	Nội khoa	6.83	
217	3	04200433	Trịnh Thị Cúc	27/04/1991	Nội khoa	7.67	
218	4	04200432	Lê Trần Cương	12/05/1989	Nội khoa	6.00	
219	5	04200010	Trịnh Mạnh Cường	13/10/1993	Nội khoa	5.83	
220	6	04201090	Hoàng Thị Diễm	05/12/1992	Nội khoa	7.50	
221	7	04200773	Phan Thị Dung	05/10/1992	Nội khoa	6.42	
222	8	04200455	Hoàng Dung	07/11/1987	Nội khoa	6.42	
223	9	04200388	Trịnh Việt Dũng	14/10/1992	Nội khoa	6.75	
224	10	04200711	Trần Văn Dũng	02/07/1991	Nội khoa	6.25	
225	11	04200230	Nguyễn Thị Hồng Duyên	22/12/1989	Nội khoa	6.42	
226	12	04200802	Phạm Thuý Dương	12/05/1992	Nội khoa	6.83	
227	13	04200697	Phạm Thị Đào	08/02/1989	Nội khoa	5.17	
228	14	04200205	Phan Thị Hà	18/11/1994	Nội khoa	6.75	
229	15	04200683	Trần Thị Thu Hoài	26/12/1990	Nội khoa	6.00	
230	16	04200462	Nguyễn Việt Nhật Hoàng	16/09/1991	Nội khoa	6.58	
231	17	04200867	Vũ Thị Hồng	15/07/1992	Nội khoa	6.33	
232	18	04201188	Nguyễn Thị Huệ	10/06/1991	Nội khoa	7.17	
233	19	04200149	Lê Trọng Hùng	02/06/1991	Nội khoa	6.83	
234	20	04200614	Lê Hùng	03/06/1992	Nội khoa	7.42	
235	21	04200510	Thái Thị Bích Huyền	16/02/1990	Nội khoa	7.17	
236	22	04200372	Hoàng Thị Huyền	09/01/1991	Nội khoa	7.00	
237	23	04200783	Ngô Thị Thu Hương	19/11/1990	Nội khoa	6.08	
238	24	04200024	Nguyễn Văn Hường	01/10/1989	Nội khoa	7.08	
239	25	04200065	Phạm Quang Khánh	08/12/1992	Nội khoa	6.67	
240	26	04200555	Nguyễn Văn Khánh	10/08/1991	Nội khoa	6.67	
241	27	04200399	Bê Thị Ly La	01/08/1992	Nội khoa	6.25	
242	28	04200944	Vũ Thị Lập	06/07/1991	Nội khoa	7.42	
243	29	04200559	Vũ Thị Thùy Linh	03/08/1993	Nội khoa	7.00	
244	30	04200452	Mai Thị Lộc	18/03/1993	Nội khoa	5.83	
245	31	04200485	Nguyễn Thị Lua	15/03/1992	Nội khoa	6.17	
246	32	04200842	Phùng Thị Hạnh Ly	04/08/1990	Nội khoa	6.83	
247	33	04200335	Lưu Minh Ly	30/11/1993	Nội khoa	6.08	
248	34	04200884	Trần Văn Mạnh	24/12/1993	Nội khoa	6.08	
249	35	04200466	Võ Thị Lan Phương	15/05/1991	Nội khoa	6.42	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
250	36	04200882	Tô Thị Phương	14/02/1992	Nội khoa	7.17	
251	37	04201242	Nguyễn Thị Phương	09/12/1992	Nội khoa	5.83	
252	38	04201093	Đào Phùng Quý	05/02/1993	Nội khoa	6.75	
253	39	04200803	Nguyễn Thị Quyên	12/10/1991	Nội khoa	6.42	
254	40	04200037	Lê Mạnh Tâm	25/06/1988	Nội khoa	5.83	
255	41	04201267	Bùi Thị Tâm	02/06/1992	Nội khoa	6.33	
256	42	04200104	Hoàng Thị Tịch	28/12/1992	Nội khoa	6.92	
257	43	04201122	Trần Đức Toàn	17/12/1982	Nội khoa	5.17	
258	44	04200032	Nguyễn Sơn Tùng	22/10/1991	Nội khoa	7.00	
259	45	04200687	Nguyễn Thế Thành	03/10/1991	Nội khoa	7.00	
260	46	04200321	Nguyễn Thị Thảo	12/05/1992	Nội khoa	7.08	
261	47	04200792	Nguyễn Thị Thắm	20/08/1991	Nội khoa	7.33	
262	48	04201174	Hoàng Thị Thoa	10/05/1989	Nội khoa	6.42	
263	49	04200083	Bùi Thị Quỳnh Thơ	23/03/1987	Nội khoa	7.00	
264	50	04201055	Nguyễn Thị Phương Thu	01/08/1991	Nội khoa	6.83	
265	51	04200730	Phạm Thị Thuý	01/11/1989	Nội khoa	6.83	
266	52	04200334	Nguyễn Xuân Thủy	23/11/1991	Nội khoa	7.00	
267	53	04200202	Nguyễn Thị Thu Trang	05/12/1992	Nội khoa	6.67	
268	54	04200678	Đặng Thị Trang	13/02/1988	Nội khoa	6.50	
269	55	04200875	Trần Văn Trăn	01/01/1990	Nội khoa	7.17	
270	56	04200965	Hoàng Thị Tuyết Trinh	23/01/1993	Nội khoa	7.08	
271	57	04201206	Đinh Thị Mai Yến	13/09/1990	Nội khoa	5.92	
272	58	047220190280	Nguyễn Thị Hường	12/05/1991	Nội khoa	6.00	
273	59	047220190298	Đoàn Thị Ngọc	01/08/1990	Nội khoa	7.17	
274	60	047220190713	Lê Thị Kim Tuyết	21/04/1985	Nội khoa	5.75	
275	1	04201141	Vũ Thị Quỳnh Anh	03/02/1992	Nội Tim mạch	5.67	
276	2	04200566	Hoàng Thị Bền	02/04/1991	Nội Tim mạch	8.00	
277	3	04200955	Nguyễn Hải Đăng	08/11/1992	Nội Tim mạch	6.50	
278	4	04200658	Vũ Tuấn Hải	15/02/1993	Nội Tim mạch	8.00	
279	5	04200772	Phạm Thị Hiền	25/01/1991	Nội Tim mạch	6.42	
280	6	04200367	Phạm Thị Huyền	21/02/1989	Nội Tim mạch	5.50	
281	7	04200039	Vũ Thị Huyền	28/10/1990	Nội Tim mạch	7.50	
282	8	04200776	Đoàn Phú Như Hiền	09/09/1990	Nội Tim mạch	7.83	
283	9	04201068	Nguyễn Mạnh Hùng	10/12/1989	Nội Tim mạch	7.08	
284	10	04200738	Nguyễn Văn Hùng	05/04/1988	Nội Tim mạch	7.17	
285	11	04200934	Nguyễn Thị Khánh Ly	03/10/1989	Nội Tim mạch	6.58	
286	12	04200177	Hà Thị Thanh Mai	06/08/1988	Nội Tim mạch	7.42	
287	13	04200732	Lê Thị Mai	11/08/1991	Nội Tim mạch	6.00	
288	14	04200424	Đỗ Thị Nghi	15/09/1989	Nội Tim mạch	7.17	
289	15	04200575	Đào Thị Mai Ngọc	20/10/1993	Nội Tim mạch	8.17	
290	16	04200281	Hà Thành	13/02/1991	Nội Tim mạch	6.92	
291	17	04200657	Đỗ Bá Thế	17/03/1991	Nội Tim mạch	6.92	
292	18	04200611	Nguyễn Đình Xô	25/12/1990	Nội Tim mạch	7.25	
293	19	050107190229	Thân Đức Tài Nhân	03/11/1995	Nội - Tim mạch	8.33	BSNT
294	1	04201089	Lê Tuấn Anh	28/04/1989	Ngoại khoa	6.08	
295	2	04200061	Lưu Tuấn Anh	28/06/1990	Ngoại khoa	7.00	
296	3	04201037	Nguyễn Văn Bách	09/03/1993	Ngoại khoa	5.83	
297	4	04200769	Nguyễn Văn Bình	21/12/1991	Ngoại khoa	7.25	
298	5	04200269	Lê Văn Bộ	10/06/1991	Ngoại khoa	6.75	
299	6	04200799	Hoàng Văn Công	28/08/1992	Ngoại khoa	6.67	
300	7	04200015	Nguyễn Văn Cường	10/09/1990	Ngoại khoa	7.17	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
301	8	04200323	Thạch Văn Chất	10/10/1992	Ngoại khoa	5.25	
302	9	04200537	Đỗ Minh Châu	24/02/1991	Ngoại khoa	7.83	
303	10	04200366	Ngô Quang Chính	05/03/1992	Ngoại khoa	6.75	
304	11	04200416	Ngô Hữu Diện	09/10/1992	Ngoại khoa	6.67	
305	12	04200216	Lò Văn Diện	05/03/1989	Ngoại khoa	4.92	
306	13	04200633	Nguyễn Đôn Dũng	10/10/1992	Ngoại khoa	6.00	
307	14	04200987	Đào Ngọc Dũng	20/09/1993	Ngoại khoa	6.17	
308	15	04200482	Trần Đình Duy	20/09/1990	Ngoại khoa	7.42	
309	16	04201162	Phạm Văn Đạo	10/10/1990	Ngoại khoa	6.83	
310	17	04200148	Vũ Thành Đạt	25/02/1990	Ngoại khoa	7.58	
311	18	04201227	Đinh Tuấn Đạt	27/02/1989	Ngoại khoa	6.42	
312	19	04201153	Phan Văn Đạt	24/10/1993	Ngoại khoa	6.50	
313	20	04200082	Hoàng Hải Đăng	15/12/1991	Ngoại khoa	7.00	
314	21	04200063	Nguyễn Tiến Độ	06/10/1989	Ngoại khoa	6.50	
315	22	04200717	Trương Thái Hà	16/05/1990	Ngoại khoa	6.92	
316	23	04200968	Nguyễn Văn Hà	02/01/1986	Ngoại khoa	7.50	
317	24	04200285	Mai Khắc Hà	12/08/1987	Ngoại khoa	6.75	
318	25	04200558	Nguyễn Đăng Hào	30/06/1990	Ngoại khoa	6.58	
319	26	04200820	Bùi Ngọc Hân	11/10/1989	Ngoại khoa	6.75	
320	27	04201150	Chu Thanh Hiền	10/06/1990	Ngoại khoa	6.67	
321	28	04200739	Mai Duy Hiền	25/10/1991	Ngoại khoa	7.08	
322	29	04201023	Hoàng Văn Hoan	15/02/1991	Ngoại khoa	7.33	
323	30	04200495	Lê Văn Hoàng	12/12/1986	Ngoại khoa	7.17	
324	31	04200054	Nguyễn Chân Hoàng	28/03/1993	Ngoại khoa	7.17	
325	32	04200271	Đỗ Xuân Hoàng	20/06/1989	Ngoại khoa	6.08	
326	33	04200017	Trần Trung Hội	25/12/1992	Ngoại khoa	7.75	
327	34	04200780	Nguyễn Đình Hợp	30/05/1984	Ngoại khoa	6.50	
328	35	04200538	Phạm Văn Hùng	23/08/1991	Ngoại khoa	6.67	
329	36	04201167	Lê Quang Huy	21/11/1990	Ngoại khoa	7.08	
330	37	04201226	Cao Thịnh Huy	09/05/1993	Ngoại khoa	7.17	
331	38	04200902	Nguyễn Duy Hữu	15/05/1992	Ngoại khoa	7.83	
332	39	04200897	Trần Văn Kiên	15/07/1992	Ngoại khoa	6.42	
333	40	04201136	Âu Trung Khánh	12/07/1990	Ngoại khoa	7.17	
334	41	04200635	Phan Xuân Lập	01/09/1992	Ngoại khoa	7.50	
335	42	04200600	Phan Văn Lộc	27/11/1987	Ngoại khoa	7.08	
336	43	04200203	Nguyễn Đức Mạnh	10/03/1992	Ngoại khoa	7.33	
337	44	04200763	Nguyễn Đình Trọng Nghĩa	08/01/1993	Ngoại khoa	7.42	
338	45	04201182	Nguyễn Kim Nghĩa	09/10/1991	Ngoại khoa	7.42	
339	46	04201213	Đinh Văn Nghĩa	28/09/1992	Ngoại khoa	6.83	
340	47	04201281	Trần Đại Nghĩa	26/06/1987	Ngoại khoa	5.92	
341	48	04201025	Phạm Duy Nghiệp	26/09/1988	Ngoại khoa	7.92	
342	49	04200340	Dương Đức Phúc	28/11/1991	Ngoại khoa	7.42	
343	50	04201258	Hoàng Văn Phức	01/01/1978	Ngoại khoa	7.42	
344	51	04200919	Trịnh Xuân Quân	05/05/1990	Ngoại khoa	6.67	
345	52	04200755	Nguyễn Đình Quyền	04/09/1993	Ngoại khoa	7.00	
346	53	04200766	Hoàng Văn Quyết	15/07/1986	Ngoại khoa	6.00	
347	54	04200921	Hoàng Văn Quỳnh	28/07/1992	Ngoại khoa	7.42	
348	55	04200257	Hà Văn Quỳnh	22/05/1990	Ngoại khoa	7.08	
349	56	04200330	Nguyễn Ngọc Sơn	01/10/1992	Ngoại khoa	5.83	
350	57	04200005	Vũ Công Tác	12/09/1990	Ngoại khoa	6.00	
351	58	04200958	Đỗ Mạnh Tiến	10/11/1989	Ngoại khoa	7.08	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
352	59	04200011	Phạm Văn Tinh	05/01/1990	Ngoại khoa	6.58	
353	60	04201072	Đặng Văn Tổng	01/04/1984	Ngoại khoa	6.67	
354	61	04200077	Hoàng Anh Tú	25/07/1989	Ngoại khoa	7.58	
355	62	04200362	Bùi Tiến Tuấn	30/07/1991	Ngoại khoa	7.83	
356	63	04200767	Nguyễn Anh Tuấn	13/04/1990	Ngoại khoa	5.92	
357	64	04200155	La Văn Tuyển	09/04/1984	Ngoại khoa	6.92	
358	65	04201235	Nguyễn Tiến Thành	06/10/1991	Ngoại khoa	6.58	
359	66	04200621	Đoàn Xuân Thắng	06/03/1988	Ngoại khoa	6.67	
360	67	04201147	Nguyễn Mạnh Thắng	27/02/1992	Ngoại khoa	6.25	
361	68	04201180	Đinh Ngọc Thế	20/09/1992	Ngoại khoa	7.42	
362	69	04200250	Đinh Văn Thiện	12/05/1984	Ngoại khoa	5.75	
363	70	04201255	Bùi Văn Thịnh	22/12/1992	Ngoại khoa	7.17	
364	71	04200376	Nguyễn Hữu Thơ	25/02/1989	Ngoại khoa	6.75	
365	72	04200036	Nguyễn Văn Thu	04/10/1991	Ngoại khoa	7.58	
366	73	04200590	Nguyễn Khắc Thương	12/03/1990	Ngoại khoa	6.67	
367	74	04200020	Vũ Lê Trung	01/06/1993	Ngoại khoa	7.58	
368	75	04200231	Phùng Văn Trường	13/10/1987	Ngoại khoa	6.17	
369	76	04200493	Ma Khánh Vĩnh	26/11/1992	Ngoại khoa	6.50	
370	77	050104190094	Lương Tuấn Bảo	19/05/1995	Ngoại khoa	7.50	BSNT
371	78	050104190096	Nguyễn Đình Cẩn	07/12/1995	Ngoại khoa	7.25	BSNT
372	79	050104190116	Lê Thế Hùng	09/08/1995	Ngoại khoa	7.50	BSNT
373	80	050104190118	Quế Văn Huy	08/09/1995	Ngoại khoa	8.08	BSNT
374	81	050104190137	Trịnh Bá Thắng	25/02/1995	Ngoại khoa	7.42	BSNT
375	82	050104190139	Nguyễn Quang Thắng	10/07/1995	Ngoại khoa	7.42	BSNT
376	1	04200991	Nguyễn Thị Vân Anh	21/01/1988	Nhân khoa	6.83	
377	2	04200569	Vũ Thị Quỳnh Anh	26/09/1989	Nhân khoa	4.42	
378	3	04200259	Bùi Văn Cảnh	30/03/1989	Nhân khoa	6.25	
379	4	04200319	Phạm Xuân Chung	20/02/1991	Nhân khoa	7.67	
380	5	04200249	Nguyễn Thị Hồng Diên	05/01/1990	Nhân khoa	7.67	
381	6	04200448	Nguyễn Thị Thủy Dung	31/12/1990	Nhân khoa	7.92	
382	7	04200951	Vũ Văn Điệp	12/09/1991	Nhân khoa	7.25	
383	8	04200946	Nguyễn Thành Đông	24/04/1992	Nhân khoa	6.92	
384	9	04200345	Bùi Thị Hải Hà	15/08/1985	Nhân khoa	6.92	
385	10	04200686	Lưu Thanh Hải	16/06/1988	Nhân khoa	6.67	
386	11	04201022	Lâm Thu Hạnh	04/10/1988	Nhân khoa	6.08	
387	12	04201013	Dương Biên Hoà	24/12/1990	Nhân khoa	6.08	
388	13	04200957	Ngô Thị Tô Hoài	12/05/1985	Nhân khoa	7.08	
389	14	04200099	Đỗ Hồ Mai Hoàng	12/05/1991	Nhân khoa	6.67	
390	15	04200718	Trần Thị Huệ	20/11/1990	Nhân khoa	7.00	
391	16	04201133	Trịnh Đức Huy	06/01/1992	Nhân khoa	6.17	
392	17	04200354	Tô Hải Khiêm	19/11/1983	Nhân khoa	6.83	
393	18	04201063	Đoàn Thị Khuyên	28/12/1991	Nhân khoa	7.25	
394	19	04200848	Bé Thị Linh	26/11/1985	Nhân khoa	6.42	
395	20	04200592	Khuất Thị Huệ Mai	18/07/1987	Nhân khoa	7.08	
396	21	04200129	Nguyễn Đức Minh	19/09/1989	Nhân khoa	6.58	
397	22	04200765	Nguyễn Đình Nam	29/07/1993	Nhân khoa	6.67	
398	23	04200856	Đặng Thị Phương Nga	08/11/1985	Nhân khoa	7.17	
399	24	04200081	Nguyễn Đức Nguyên	05/11/1991	Nhân khoa	7.33	
400	25	04200327	Bùi Thị Thanh Nhân	28/10/1989	Nhân khoa	7.83	
401	26	04200305	Dương Thị Thu Phương	07/08/1989	Nhân khoa	8.25	
402	27	04201187	Nguyễn Thị Phương	16/01/1988	Nhân khoa	6.92	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
403	28	04200834	Nguyễn Long Quân	11/11/1984	Nhân khoa	6.33	
404	29	04200828	Nguyễn Thị Quế	08/05/1987	Nhân khoa	6.33	
405	30	04200286	Trần Thế Tài	22/07/1987	Nhân khoa	5.92	
406	31	04200262	Viên Thị Thanh Tú	10/11/1991	Nhân khoa	6.75	
407	32	04200855	Hoàng Văn Tuấn	16/07/1983	Nhân khoa	5.92	
408	33	04200605	Nguyễn Văn Thắng	28/11/1985	Nhân khoa	6.58	
409	34	04201081	Đặng Văn Thất	20/8/1989	Nhân khoa	6.75	
410	35	04201107	Vũ Thu Thủy	12/04/1989	Nhân khoa	5.00	
411	36	04200423	Vũ Thị Minh Thúy	07/04/1989	Nhân khoa	7.75	
412	37	04201221	Lã Thị Quỳnh Thương	21/11/1985	Nhân khoa	7.08	
413	38	04200816	Trịnh Văn Trung	01/05/1984	Nhân khoa	5.67	
414	39	04200511	Phạm Văn Trường	09/11/1992	Nhân khoa	7.00	
415	1	047216190627	Trần Phương Chinh	20/02/1992	Nhi khoa	7.83	CKI 24 BL
416	2	047216190204	Vũ Ngọc Dung	24/02/1989	Nhi khoa	7.25	CKI 24 BL
417	3	047216190640	Nguyễn Thị Hiền	17/09/1989	Nhi khoa	7.83	CKI 24 BL
418	4	047216190653	Hà Thị Thanh Liêm	07/06/1987	Nhi khoa	6.67	CKI 24 BL
419	5	047216190661	Vũ Thị Ngà	05/03/1992	Nhi khoa	5.58	CKI 24 BL
420	6	047216190686	Lê Thị Thúy	14/08/1989	Nhi khoa	4.92	CKI 24 BL
421	7	047216190238	Hoàng Thị Vân	21/06/1989	Nhi khoa	7.67	CKI 24 BL
422	8	047216190685	Nguyễn Thị Phương Thúy	05/04/1990	Nhi khoa	7.33	CKI 24 BL
423	1	04200788	Lương Giang Đức	05/01/1992	Phẫu thuật tạo hình	5.83	
424	2	04201026	Dương Tuấn Mạnh	05/11/1991	Phẫu thuật tạo hình	5.58	
425	1	04201024	Vũ Ngọc Bình	04/10/1985	Phục hồi chức năng	6.17	
426	2	04200458	Cà Thị Chiến	21/10/1984	Phục hồi chức năng	7.00	
427	3	04200003	Lại Sơn Đông	15/03/1994	Phục hồi chức năng	7.25	
428	4	04200074	Vũ Minh Hoài	06/08/1982	Phục hồi chức năng	7.33	
429	5	04200868	Đỗ Thị Hương	18/12/1991	Phục hồi chức năng	7.33	
430	6	04200128	Phạm Quốc Khánh	05/02/1990	Phục hồi chức năng	8.25	
431	7	04200522	Ví Minh Nguyệt	19/11/1991	Phục hồi chức năng	8.50	
432	8	04200377	Nguyễn Thị Nhung	31/07/1990	Phục hồi chức năng	8.17	
433	9	04200662	Nguyễn Thị Quỳnh	16/04/1984	Phục hồi chức năng	8.17	
434	10	04200472	Vũ Thị Lệ Thủy	30/12/1990	Phục hồi chức năng	8.17	
435	11	04200553	Doãn Minh Xuyên	11/09/1985	Phục hồi chức năng	7.08	
436	1	04200030	Đặng Văn Anh	27/05/1990	Răng - Hàm - Mặt	6.47	
437	2	04200904	Ngô Bảo Chung	12/03/1992	Răng - Hàm - Mặt	7.56	
438	3	04200136	Phạm Thị Diệp	10/02/1989	Răng - Hàm - Mặt	6.47	
439	4	04200412	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/07/1989	Răng - Hàm - Mặt	6.72	
440	5	04200952	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/03/1990	Răng - Hàm - Mặt	6.81	
441	6	04200012	Lê Tuấn Hiệp	26/07/1991	Răng - Hàm - Mặt	7.31	
442	7	04200841	Phạm Thị Hoa	18/01/1991	Răng - Hàm - Mặt	6.22	
443	8	04200475	Trần Thị Phương Hòa	19/10/1988	Răng - Hàm - Mặt	6.47	
444	9	04201050	Vũ Thị Hòa	25/05/1991	Răng - Hàm - Mặt	6.89	
445	10	04201106	Tạ Thị Thu Hương	12/08/1991	Răng - Hàm - Mặt	6.89	
446	11	04201052	Nguyễn Thu Hương	19/07/1989	Răng - Hàm - Mặt	6.30	
447	12	04200568	Trịnh Tuấn Nam	08/03/1991	Răng - Hàm - Mặt	6.30	
448	13	04200978	Đinh Quang Phú	28/09/1993	Răng - Hàm - Mặt	6.05	
449	14	04200852	Hoàng Thị Minh Phương	03/09/1988	Răng - Hàm - Mặt	6.89	
450	15	04201282	Trịnh Tiến Quân	15/09/1984	Răng - Hàm - Mặt	6.22	
451	16	04200122	Nguyễn Trần Tiến	04/07/1991	Răng - Hàm - Mặt	7.31	
452	17	04200437	Nguyễn Thu Thảo	30/08/1990	Răng - Hàm - Mặt	7.82	
453	18	04200453	Lương Thị Thủy	01/11/1988	Răng - Hàm - Mặt	6.05	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
454	19	04200394	Nguyễn Thị Diệu Thuý	06/01/1990	Răng - Hàm - Mặt	7.65	
455	20	04200184	Đoàn Thị Vân	18/10/1991	Răng - Hàm - Mặt	5.88	
456	21	04201173	Đỗ Hoàng Việt	08/08/1990	Răng - Hàm - Mặt	6.55	
457	22	04200762	Hà Đức Việt	08/10/1993	Răng - Hàm - Mặt	7.48	
458	23	047228190368	Vũ Mai Hoa	21/01/1992	Răng - Hàm - Mặt	6.47	CKI 24 BL
459	24	047228190376	Nguyễn Thị Ngân	15/01/1990	Răng - Hàm - Mặt	5.63	CKI 24 BL
460	25	047228190372	Đỗ Thị Hương Liên	10/02/1989	Răng - Hàm - Mặt	6.22	CKI 24 BL
461	1	04200098	Bùi Thị Kim Anh	28/07/1992	Sản phụ khoa	7.92	
462	2	04201064	Phạm Thị Lan Anh	16/12/1988	Sản phụ khoa	7.58	
463	3	04200674	Phan Quang Anh	25/05/1991	Sản phụ khoa	7.42	
464	4	04200720	Nguyễn Gia Bảo	19/07/1991	Sản phụ khoa	6.42	
465	5	04200825	Tô Thị Ngọc Bích	20/11/1988	Sản phụ khoa	7.08	
466	6	04200496	Nguyễn Hữu Công	01/05/1992	Sản phụ khoa	8.08	
467	7	04200831	Trần Văn Cường	10/06/1986	Sản phụ khoa	6.58	
468	8	04200189	Lê Thị Minh Châu	22/05/1989	Sản phụ khoa	7.25	
469	9	04200218	Trần Thị Kim Chi	07/09/1992	Sản phụ khoa	7.25	
470	10	04200395	Ngô Thanh Diện	30/04/1993	Sản phụ khoa	6.58	
471	11	04200191	Doãn Thị Dung	30/09/1986	Sản phụ khoa	6.83	
472	12	04200628	Ngô Thanh Dung	14/08/1988	Sản phụ khoa	7.67	
473	13	04200715	Nguyễn Tiến Dũng	28/07/1989	Sản phụ khoa	7.17	
474	14	04200648	Phạm Thị Đào	01/02/1987	Sản phụ khoa	7.42	
475	15	04200059	Hoàng Tiến Đạt	12/11/1994	Sản phụ khoa	7.33	
476	16	04200971	Trần Văn Đông	15/10/1991	Sản phụ khoa	7.33	
477	17	04200644	Nguyễn Văn Giáp	13/01/1989	Sản phụ khoa	7.00	
478	18	04200117	Nguyễn Thu Hằng	22/12/1990	Sản phụ khoa	8.08	
479	19	04200880	Vũ Thị Hằng	17/07/1990	Sản phụ khoa	7.00	
480	20	04200235	Lê Văn Hiếu	28/04/1990	Sản phụ khoa	7.33	
481	21	04200699	Nguyễn Minh Hiếu	15/10/1992	Sản phụ khoa	6.58	
482	22	04200113	Bùi Thị Hoà	24/12/1987	Sản phụ khoa	7.67	
483	23	04200812	Lê Thị Thu Hòa	14/11/1989	Sản phụ khoa	7.67	
484	24	04200734	Nguyễn Khánh Hòa	20/02/1988	Sản phụ khoa	6.58	
485	25	04200229	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	09/12/1990	Sản phụ khoa	7.83	
486	26	04200515	Đỗ Thị Thu Huyền	25/12/1992	Sản phụ khoa	6.92	
487	27	04200491	Đào Ngọc Hưng	27/11/1989	Sản phụ khoa	7.00	
488	28	04200917	Trần Thị Mai Hương	28/10/1989	Sản phụ khoa	6.83	
489	29	04200595	Trương Thu Hương	23/08/1990	Sản phụ khoa	7.25	
490	30	04200436	Trương Thị Thanh Hường	20/05/1991	Sản phụ khoa	7.17	
491	31	04200056	Nguyễn Phương Lê	30/09/1988	Sản phụ khoa	5.92	
492	32	04201008	Đặng Thị Mai Linh	20/12/1987	Sản phụ khoa	6.58	
493	33	04200982	Lã Thị Phương Linh	10/03/1993	Sản phụ khoa	7.08	
494	34	04201277	Nguyễn Thị Tuyết Mai	10/11/1991	Sản phụ khoa	7.33	
495	35	04200685	Nguyễn Cao Mạnh	21/07/1990	Sản phụ khoa	6.83	
496	36	04200371	Vũ Văn Mạnh	15/02/1991	Sản phụ khoa	6.75	
497	37	04200275	Nguyễn Văn Mỹ	24/02/1992	Sản phụ khoa	7.50	
498	38	04201049	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/07/1991	Sản phụ khoa	6.92	
499	39	04200804	Đặng Thị Bích Ngọc	06/12/1989	Sản phụ khoa	7.08	
500	40	04201078	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/10/1989	Sản phụ khoa	7.33	
501	41	04200795	Hoàng Quỳnh Nhung	26/09/1991	Sản phụ khoa	6.92	
502	42	04201152	Lường Thị Nhung	12/02/1988	Sản phụ khoa	7.58	
503	43	04200516	Phạm Hữu Oai	01/02/1994	Sản phụ khoa	6.50	
504	44	04200140	Hoàng Như Oanh	26/09/1987	Sản phụ khoa	6.58	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
505	45	04201066	Nguyễn Thị Phương	27/03/1989	Sản phụ khoa	6.83	
506	46	04200564	Lưu Thị Hồng Phương	25/04/1987	Sản phụ khoa	6.42	
507	47	04200907	Vũ Thị Phương	06/03/1990	Sản phụ khoa	7.67	
508	48	04200112	Cao Sĩ Quyền	15/08/1990	Sản phụ khoa	6.92	
509	49	04201148	Phạm Hồng Quyết	09/11/1985	Sản phụ khoa	7.33	
510	50	04200109	Nguyễn Văn Sơn	16/11/1991	Sản phụ khoa	7.08	
511	51	04200111	Trần Thị Tình	17/07/1984	Sản phụ khoa	6.50	
512	52	04200170	Hà Thị Thanh Tịnh	26/10/1989	Sản phụ khoa	7.67	
513	53	04200624	Bảo Thanh Tú	06/09/1991	Sản phụ khoa	6.83	
514	54	04201128	Trần Văn Tuấn	13/10/1993	Sản phụ khoa	7.50	
515	55	04200885	Nguyễn Thị Tươi	04/03/1990	Sản phụ khoa	7.50	
516	56	04201116	Lê Thị Phương Thanh	14/10/1992	Sản phụ khoa	7.42	
517	57	04200707	Phạm Duy Thành	14/06/1993	Sản phụ khoa	6.83	
518	58	04200439	Đỗ Văn Thảo	28/12/1993	Sản phụ khoa	6.83	
519	59	04200523	Nguyễn Phi Thăng	28/01/1990	Sản phụ khoa	7.50	
520	60	04200534	Nguyễn Thị Thềm	20/02/1989	Sản phụ khoa	6.75	
521	61	04201067	Trịnh Thị Bích Thủy	25/08/1993	Sản phụ khoa	7.42	
522	62	04200740	Lê Thị Phương Thuý	13/09/1984	Sản phụ khoa	6.67	
523	63	04200152	Đới Huyền Trang	27/11/1986	Sản phụ khoa	6.83	
524	64	04200029	Nguyễn Thị Trang	14/02/1990	Sản phụ khoa	6.67	
525	65	04200033	Hà Văn Trung	05/08/1988	Sản phụ khoa	7.00	
526	66	04200053	Lê Đức Trung	02/11/1992	Sản phụ khoa	6.75	
527	67	04200052	Trần Văn Trường	08/02/1990	Sản phụ khoa	6.08	
528	68	04201215	Lê Thị Hải Vân	16/08/1982	Sản phụ khoa	6.42	
529	69	04200665	Bạch Khánh Vân	18/05/1990	Sản phụ khoa	6.75	
530	70	04200047	Phạm Thị Hải Yến	10/02/1988	Sản phụ khoa	7.50	
531	1	04201082	Vì Mai Anh	17/08/1989	Tai - Mũi - Họng	6.83	
532	2	04200153	Nguyễn Hải Bằng	05/08/1993	Tai - Mũi - Họng	7.83	
533	3	04200353	Lê Thị Phương Dung	18/12/1989	Tai - Mũi - Họng	7.50	
534	4	04200675	Triệu Thị Đan	20/11/1987	Tai - Mũi - Họng	7.25	
535	5	04200355	Đào Văn Đạt	20/03/1989	Tai - Mũi - Họng	7.50	
536	6	04200743	Hà Văn Doan	31/03/1990	Tai - Mũi - Họng	7.50	
537	7	04200549	Phạm Thị Hải Hà	25/02/1992	Tai - Mũi - Họng	6.50	
538	8	04200344	Vũ Thị Minh Hằng	20/12/1992	Tai - Mũi - Họng	7.33	
539	9	04201157	Lê Thị Hiền	13/07/1993	Tai - Mũi - Họng	7.17	
540	10	04200106	Đỗ Ngọc Huân	16/03/1988	Tai - Mũi - Họng	6.75	
541	11	04200089	Nguyễn Châu Hưng	26/11/1982	Tai - Mũi - Họng	5.58	
542	12	04200161	Quách Việt Hưng	27/07/1992	Tai - Mũi - Họng	6.67	
543	13	04200311	Nguyễn Phương Linh	14/12/1992	Tai - Mũi - Họng	7.75	
544	14	04200925	Trần Thị Quỳnh Mai	08/02/1990	Tai - Mũi - Họng	8.17	
545	15	04201014	Phùng Tiến Mạnh	09/06/1990	Tai - Mũi - Họng	6.83	
546	16	04201222	Đàm Văn Minh	27/01/1990	Tai - Mũi - Họng	7.17	
547	17	04200541	Bùi Thị My Na	10/01/1987	Tai - Mũi - Họng	7.08	
548	18	04200761	Bùi Văn Nghiêm	19/09/1986	Tai - Mũi - Họng	7.83	
549	19	04200664	Bùi Thị Ngọc	22/12/1989	Tai - Mũi - Họng	6.42	
550	20	04200981	Kiều Thanh Quang	22/05/1989	Tai - Mũi - Họng	7.08	
551	21	04200169	Phạm Việt Quân	16/06/1990	Tai - Mũi - Họng	7.42	
552	22	04201111	Nguyễn Thị Quyên	23/04/1989	Tai - Mũi - Họng	7.08	
553	23	04201105	Triệu Đức Toán	14/07/1991	Tai - Mũi - Họng	7.08	
554	24	04200073	Đặng Hữu Tuấn	18/02/1991	Tai - Mũi - Họng	7.42	
555	25	04200543	Nguyễn Văn Thoại	16/08/1989	Tai - Mũi - Họng	7.00	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
556	26	04200631	Đinh Thị Thùy	16/02/1989	Tai - Mũi- Họng	7.08	
557	27	04200258	Đặng Thị Như Trang	20/08/1992	Tai - Mũi- Họng	7.50	
558	28	04200943	Hoàng Quang Trọng	31/10/1992	Tai - Mũi- Họng	7.25	
559	29	04200006	Phạm Thiện Trung	26/11/1993	Tai - Mũi- Họng	7.25	
560	30	04200316	Đào Thị Xuân	18/10/1986	Tai - Mũi- Họng	7.92	
561	31	047253190506	Trần Mạnh Tráng	11/12/1987	Tai - Mũi- Họng	7.75	CKI 24 BL
562	1	04200512	Nguyễn Thị Như Hoa	25/08/1991	Tâm thần	8.17	
563	2	04200264	Lâm Văn Hoàng	04/05/1994	Tâm thần	8.58	
564	3	04200857	Nguyễn Thanh Hương	14/05/1987	Tâm thần	7.92	
565	4	04200993	Vũ Thị Hải Sâm	22/01/1981	Tâm thần	7.25	
566	1	04200212	Vũ Thị Vân Anh	26/03/1989	Thần kinh	7.48	
567	2	04200085	Tạ Văn Cảnh	22/02/1986	Thần kinh	6.39	
568	3	04200643	Bùi Đức Dũng	15/10/1991	Thần kinh	6.30	
569	4	04200207	Nguyễn Thị Cẩm Hà	20/02/1989	Thần kinh	7.82	
570	5	04200814	Trần Thị Thu Hằng	18/07/1989	Thần kinh	7.48	
571	6	04200009	Phương Đức Huy	13/04/1992	Thần kinh	7.14	
572	7	04201126	Lê Thị Lý	28/08/1992	Thần kinh	7.23	
573	8	04200041	Phạm Hồng Ngọc	15/04/1991	Thần kinh	7.14	
574	9	04200567	Triệu Minh Nguyệt	27/08/1988	Thần kinh	7.48	
575	10	04200836	Dương Đức Quân	27/10/1990	Thần kinh	7.73	
576	11	04200704	Quảng Thị Thành	22/02/1987	Thần kinh	6.39	
577	12	04200514	Nguyễn Anh Văn	12/03/1989	Thần kinh	6.39	
578	1	04201199	Lương Xuân Biện	11/03/1992	Truyền nhiễm & CBND	7.23	
579	2	04201007	Nguyễn Huy Dương	29/04/1987	Truyền nhiễm & CBND	7.39	
580	3	04201278	Hoàng Văn Đoàn	08/04/1984	Truyền nhiễm & CBND	6.30	
581	4	04200299	Bùi Thị Huyền	14/09/1987	Truyền nhiễm & CBND	6.13	
582	5	04200990	Lê Văn Hưng	02/10/1993	Truyền nhiễm & CBND	6.89	
583	6	04200341	Hoàng Thị Thanh Loan	12/09/1990	Truyền nhiễm & CBND	8.07	
584	7	04200211	Nguyễn Thị Hương Ly	23/04/1992	Truyền nhiễm & CBND	7.98	
585	8	04200861	Phùng Thị Phương Ngọc	13/10/1993	Truyền nhiễm & CBND	7.39	
586	9	04200292	Lê Thị Hồng Nhung	14/01/1985	Truyền nhiễm & CBND	7.23	
587	10	04201114	Sông A Phệnh	08/05/1978	Truyền nhiễm & CBND	6.97	
588	11	04200076	Lê Huy Quyết	20/08/1989	Truyền nhiễm & CBND	6.13	
589	12	04200874	Lê Thị Tình	01/07/1992	Truyền nhiễm & CBND	7.98	
590	13	04201137	Triệu Thị Tuyên	08/10/1986	Truyền nhiễm & CBND	6.55	
591	14	047238190542	Lô Hiền Trang	21/11/1991	Truyền nhiễm & CBND	7.82	CKI 24 BL
592	1	04200018	Nguyễn Thị Vân Anh	02/02/1990	Ung thư	8.58	
593	2	04200582	Lê Tuấn Anh	10/04/1989	Ung thư	6.25	
594	3	04200617	Hoàng Văn Ân	01/05/1990	Ung thư	7.25	
595	4	04200630	Phạm Văn Cảnh	27/02/1987	Ung thư	6.67	
596	5	04200031	Lê Văn Cường	20/04/1993	Ung thư	7.75	
597	6	04200294	Nguyễn Tử Thành Đạt	27/09/1993	Ung thư	7.17	
598	7	04200545	Nguyễn Thị Hằng	29/10/1991	Ung thư	8.08	
599	8	04200843	Nguyễn Văn Lam	09/07/1992	Ung thư	8.58	
600	9	04200540	Vì Thành Long	01/07/1990	Ung thư	7.08	
601	10	04200639	Phạm Thị Thanh Minh	15/09/1990	Ung thư	7.00	
602	11	04200300	Bùi Thị Nhạn	22/07/1988	Ung thư	7.33	
603	12	04200778	Nguyễn Văn Sơn	23/10/1993	Ung thư	7.17	
604	13	04201146	Nguyễn Thái Sơn	23/10/1984	Ung thư	6.58	
605	14	04200760	Vũ Minh Tiến	10/10/1992	Ung thư	6.92	
606	15	04200408	Lê Anh Tuấn	02/10/1991	Ung thư	6.25	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
607	16	04200818	Vũ Thị Tươi	20/10/1991	Ung thư	8.50	
608	17	04200963	Trần Thị Tỵ	18/07/1989	Ung thư	8.08	
609	18	04200397	Trần Thị Vân Thanh	08/04/1990	Ung thư	7.00	
610	19	04201011	Doãn Chiến Thắng	09/12/1991	Ung thư	7.83	
611	20	04200101	Nguyễn Ngọc Trường Thi	26/08/1990	Ung thư	5.83	
612	21	04200141	Phạm Thị Thủy	25/09/1986	Ung thư	7.42	
613	22	04201108	Đồng Thị Hà Trang	14/09/1992	Ung thư	7.83	
614	23	04200747	Nguyễn Thế Trọng	06/11/1984	Ung thư	5.42	
615	24	04200196	Nguyễn Thanh Trung	22/02/1990	Ung thư	8.33	
616	25	047223190549	Nguyễn Thị Chi	17/11/1988	Ung thư	7.33	CKI 24 BL
617	1	04201189	Lương Thị Ninh	04/06/1988	Vi sinh y học	8.25	
618	1	04200360	Đỗ Đức Bảo	09/11/1992	Y học cổ truyền	8.75	
619	2	04201100	Trần Ngọc Dương	02/12/1988	Y học cổ truyền	7.75	
620	3	04200150	Nguyễn Bảo Diệp	18/09/1987	Y học cổ truyền	8.33	
621	4	04200298	Vũ Thành Đô	18/09/1988	Y học cổ truyền	7.75	
622	5	04200517	Lưu Phúc Đức	17/08/1991	Y học cổ truyền	7.58	
623	6	04200046	Hán Trung Đức	03/02/1992	Y học cổ truyền	6.08	
624	7	04201077	Hoàng Thị Đường	11/07/1982	Y học cổ truyền	8.33	
625	8	04200173	Nguyễn Thị Thu Hà	01/01/1989	Y học cổ truyền	8.50	
626	9	04200460	Đoàn Thu Hà	30/09/1991	Y học cổ truyền	8.17	
627	10	04200935	Lê Thị Hồng Hải	02/12/1991	Y học cổ truyền	8.25	
628	11	04200272	Phạm Thị Hằng	08/03/1983	Y học cổ truyền	8.17	
629	12	04200821	Nguyễn Thị Hậu	29/07/1991	Y học cổ truyền	8.42	
630	13	04201216	Chu Thị Hoa	27/02/1989	Y học cổ truyền	8.00	
631	14	04200199	Đỗ Thị Hồng	04/07/1986	Y học cổ truyền	8.83	
632	15	04201046	Trần Thị Huế	25/08/1988	Y học cổ truyền	8.75	
633	16	04200604	Vũ Thanh Hương	04/11/1988	Y học cổ truyền	8.83	
634	17	04201018	Nguyễn Thị Hường	30/10/1987	Y học cổ truyền	8.33	
635	18	04200225	Bùi Thị Liên	03/09/1986	Y học cổ truyền	9.00	
636	19	04200393	Nguyễn Diệu Linh	18/04/1987	Y học cổ truyền	8.50	
637	20	04200188	Phạm Văn Linh	20/08/1987	Y học cổ truyền	7.00	
638	21	04200585	Lưu Công Linh	10/09/1994	Y học cổ truyền	7.42	
639	22	04200390	Hoàng Tố Nga	17/04/1988	Y học cổ truyền	7.92	
640	23	04201253	Lương Hồng Phong	26/04/1986	Y học cổ truyền	7.17	
641	24	04200351	Nguyễn Lê Đình Quang	29/03/1992	Y học cổ truyền	7.83	
642	25	04200742	Phan Đăng Quỳnh	21/04/1988	Y học cổ truyền	7.33	
643	26	04201176	Phạm Thanh Tú	25/01/1994	Y học cổ truyền	8.17	
644	27	04201132	Nguyễn Đình Tuấn	21/06/1981	Y học cổ truyền	8.25	
645	28	04200310	Đỗ Thị Phương Thảo	07/04/1988	Y học cổ truyền	8.00	
646	29	04200487	Vũ Thị Thảo	11/02/1990	Y học cổ truyền	8.92	
647	30	04201010	Lý Trần Thắng	21/06/1989	Y học cổ truyền	8.58	
648	31	04200528	Nguyễn Anh Thư	11/04/1988	Y học cổ truyền	8.08	
649	32	04200309	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/03/1987	Y học cổ truyền	8.00	
650	33	04201195	Đặng Huy Trung	27/08/1987	Y học cổ truyền	8.83	
651	34	04200724	Hoàng Thị Vân	23/11/1990	Y học cổ truyền	8.33	
652	1	04201151	Đỗ Mạnh Hùng	16/08/1973	Y học dự phòng	4.83	
653	2	04201101	Âu Thị Nhâm	30/04/1993	Y học dự phòng	6.17	
654	3	050163180461	Phan Thị Mỹ Hào	16/08/1994	Y học dự phòng	6.67	BSNT
655	1	04201257	Nguyễn Thị Kim Anh	18/12/1990	Y học gia đình	7.08	
656	2	04200894	Lê Văn Dương	29/04/1989	Y học gia đình	6.17	
657	3	04201083	Đặng Văn Hải	25/07/1989	Y học gia đình	6.42	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
658	4	04200180	Nguyễn Thị Hoat	10/06/1990	Y học gia đình	8.08	
659	5	04200827	Giàng A Phong	20/03/1990	Y học gia đình	5.67	
660	6	04200986	Phạm Thị Ánh Phương	12/02/1992	Y học gia đình	6.25	
661	7	04200873	Đỗ Văn Siêng	07/03/1973	Y học gia đình	6.67	
662	8	04201015	Lê Anh Thi	28/10/1982	Y học gia đình	7.33	
663	9	059001190372	Hà Minh Trí	24/02/1995	Y học gia đình	7.67	BSNT
664	1	04200274	Vũ Mạnh Toàn	09/11/1988	Y học hạt nhân	5.25	
665	1	04200888	Trần Thị Ly Ly	05/05/1985	Y tế công cộng	6.47	

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP SDH



Nguyễn Hữu Tú



